

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 129/2019/HNGĐ-ST

Ngày 20-9-2019

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lập Tiến

2. Bà Tổng Thị Diệp

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 502/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/7/2019 về “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2019/QĐXX-ST ngày 20 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T1, sinh năm 1995 - Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tỉnh lộ T, thôn S, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

2. Bị đơn: Anh Trịnh Thanh T2, sinh năm 1996 - Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 6 năm 2019 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị T1 trình bày: Chị Lê Thị T1 và anh Trịnh Thanh T2 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 08/11/2016. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và căng thẳng từ cuối năm 2018 cho đến nay. Nguyên nhân do anh T2 không lo tu chí làm ăn mà chơi bời và có hành vi bạo lực với chị T1. Mặc dù chị T1 đã khuyên nhủ anh T2 nhiều lần nhưng anh T2 vẫn

không thay đổi. Hiện chị T1 và anh T2 đã sống ly thân mỗi người một nơi. Nay chị T1 xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T1 được ly hôn với anh T2

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị T1 và anh T2 có 01 con chung là cháu Trịnh Lê Thanh D – Sinh ngày 10/3/2017. Từ khi ly thân, cháu D do chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, nên khi ly hôn chị T1 có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu D đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị T1 đang làm giám sát vệ sinh công nghiệp N, thu nhập bình quân 6.000.000 đồng/ tháng.

- Về tài sản chung: Chị T1 xác định vợ chồng không có tài sản chung

- Về công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trịnh Thanh T2 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Qua biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị T1 và anh T2 thì chính quyền địa phương cho biết: Anh T2 và chị T1 có xảy ra mâu thuẫn, căng thẳng từ 2018 đến nay, nguyên nhân do anh T2 không lo tu chí làm ăn, hiện anh T2 và chị T1 không còn chung sống với nhau nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trịnh Thanh T2 đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt là lần thứ hai, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Lê Thị T1 và anh Trịnh Thanh T2 tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 08/11/2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ .

Quá trình duy trì hôn nhân chị T1 – anh T2 thường xảy ra mâu thuẫn và căng thẳng từ cuối năm 2018 và vợ chồng chị T1 sống ly thân mỗi người một cho tới nay, nguyên nhân do anh T2 không lo tu chí làm ăn lo cho vợ con, suốt trong quá trình sống ly thân

cả hai bên đều không có thiện chí hàn gắn tình cảm mà bỏ mặc ai nấy sống không quan tâm tới nhau. Về phía anh T2 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên hòa giải, nhưng anh T2 không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T1 và cũng không lên Tòa để tham gia hòa giải. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T1 – anh T2 đã kéo dài, thời gian ly thân đã lâu nhưng cả hai bên đều không có biện pháp gì giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm mà bỏ mặc ai nấy sống không quan tâm tới nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh T2 của chị T1 là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị T1 – anh T2 có 01 con chung là Trịnh Lê Thanh D – Sinh ngày 10/3/2017, từ khi vợ chồng ly thân cháu D đều ở với chị T1, để đảm bảo việc ăn ở, học hành ổn định cho cháu D, bản thân chị T1 có thu nhập ổn định, nên cần chấp nhận giao cháu D cho chị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Về cấp dưỡng chị T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Chị T1 xác định không có.

Về công nợ: Chị T1 xác định không có.

[3] Về án phí: Chị T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị T1 và anh Trịnh Thanh T2.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung là Trịnh Lê Thanh D – Sinh ngày 10/3/2017 cho chị Lê Thị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Anh Trịnh Thanh T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết .

4. Về án phí: Chị Lê Thị T1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T1 đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự Thành B theo biên lai thu tiền số: 0001869 ngày 01/7/2019.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.B;
- UBND p. T, Tp.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Dư